

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2024

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Đ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn VY, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị Đ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Nguyễn VY chung sống với nhau vào năm 1997, đến ngày 26/4/2019 đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị và anh Nguyễn VY chung sống có được 02 người con chung tên: Nguyễn Văn R, sinh ngày 16/4/1998 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2001 hiện nay các con đã thành niên; về tài sản chung, chị

và anh Nguyễn VY không có tranh chấp yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận; về nợ, chị cam kết, chị và anh Nguyễn VY không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh Nguyễn VY sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau công việc làm ăn trong gia đình, anh chị cố gắng dàn xếp nhưng vẫn không dung hòa với nhau, thời gian gần đây anh Nguyễn VY đi chơi không lo làm ăn, sống không hạnh phúc, đến tháng 03/2023 chị sống ly thân với anh Nguyễn VY cho đến nay. Chị thấy, chị và anh Nguyễn VY không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn VY. Về quan hệ con chung, 02 người con chung tên: Nguyễn Văn R, sinh ngày 16/4/1998 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2001 hiện nay các con đã trưởng thành, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn VY trình bày như sau:*

Về thời gian chung sống, kết hôn, con chung như chị Ngô Thị Đ trình bày trên là đúng. Anh và chị Ngô Thị Đ chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn, anh và chị Ngô Thị Đ chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau từ tháng 3 năm 2023 đến nay chị Ngô Thị Đ sống ly thân, không chịu dung hòa với anh. Trong thời gian chung sống anh và chị Ngô Thị Đ có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn R, sinh ngày 16/4/1998 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2001; về tài sản chung và nợ, anh và chị Ngô Thị Đ không có tranh chấp yêu cầu giải quyết tài sản chung, anh và chị Ngô Thị Đ không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Nay về quan hệ hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ngô Thị Đ, anh yêu cầu Tòa án cho anh thời hạn 06 tháng hoặc 01 năm để anh và chị Ngô Thị Đ hàn gắn đoàn tụ chung sống với nhau. Theo quy định pháp luật cho chị Ngô Thị Đ ly hôn với anh thì về quan hệ con chung, 02 người con chung tên: Nguyễn Văn R, sinh ngày 16/4/1998 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2001 hiện nay đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Ngô Thị Đ không có tranh chấp phân chia, anh cam kết không có nợ và anh không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Căn cước công dân tên Ngô Thị Đ (Bản sao) và sổ hộ khẩu (Bản phô tô); Giấy chứng nhận kết hôn chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn VY số: 50 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Trích lục khai sinh Nguyễn Văn R và giấy khai sinh Nguyễn Văn N (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 15 tháng 8 năm 2023 của chị Ngô Thị*

Đ (Bản chính); Căn cước công dân tên Nguyễn VY (Bản đối chiếu).

* *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Ngô Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn VY. Về quan hệ con chung, 02 người con chung tên: Nguyễn Văn R, sinh ngày 16/4/1998 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2001 hiện nay các con đã trưởng thành, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn VY không không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ và không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn VY vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Ngô Thị Đ yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn VY. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp 6B, xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi các đương sự đề tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thành Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn VY nhưng anh Nguyễn VY vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị Đ cũng không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn VY theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn VY chung sống với nhau vào năm 1997, đến ngày 26/4/2019 anh chị đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang là nơi anh chị cư trú*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 50 ngày 26 tháng 4 năm 2019, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn VY thì anh Nguyễn VY không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Ngô Thị Đ, anh yêu cầu cho thời gian để anh và chị Ngô Thị Đ hàn gắn đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu và trình bày của chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn VY cùng các tài

liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau, thời gian anh chị sống chung không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau công việc làm ăn trong gia đình, anh chị cố gắng dàn xếp nhưng vẫn không dung hòa với nhau và sống ly thân từ tháng 03/2023 cho đến nay. Ngày 07/3/2024, Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, đến ngày 13 tháng 3 năm 2024 chị Ngô Thị Đ tiếp tục gửi đơn yêu cầu Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử, là chị Ngô Thị Đ cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn VY, hôn nhân không tự nguyện, vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Đ, cho chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn VY là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn VY thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn R, sinh ngày 16/4/1998 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2001 hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn VY thống nhất tự xác định, anh chị không có tranh chấp tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn VY.

2. Về quan hệ con chung: Chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn VY thống nhất tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Văn R, sinh ngày 16/4/1998 và Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/9/2001 hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn VY thống nhất tự xác định, anh chị không có tranh chấp tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Ngô Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009133 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Ngô Thị Đ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 13/5/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã N, huyện AB, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA,VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo